Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Phụ lục số 135

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ TAM SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa
1	Đất hai bên đường tỉnh lộ 307	Từ ngã ba Then	Đến chân đê tả sông Lô (hết đất nhà ông Tâm)	7.000	3.000	1.000	5.500	2.000	800	3.500	1.500	700	15	295	19	197
		Từ ngã ba Then	Đến hết địa phận thị trấn (giáp địa phận xã Nhạo Sơn (cũ))	12.000	3.500	1.000	7.200	2.500	700	5.000	1.800	500	15	295	13	12
2	Đất khu dân cư hai bên đường Tỉnh Lộ 307	Từ địa phận xã Tân Lập	Đến cổng UBND xã Nhạo Sơn (cũ)	8.000	3.500	1.000	4.800	2.900	1.000	3.200	1.900	600	23	42	17	256
		Từ cổng UBND xã Nhạo Sơn (cũ)	Đến ngã ba xã Nhạo Sơn (cũ)	9.000	3.500	1.000	5.400	3.200	1.100	3.600	2.200	700	17	256	16	360
		Từ ngã ba xã Nhạo Sơn (cũ)	Đến hết địa phận xã Nhạo Sơn (giáp địa phận thị trấn Tam Sơn)	11.000	4.000	1.000	6.600	4.000	1.300	4.400	2.600	900	16	360	20	525
		Từ giáp địa phận đến giáp địa phận thị trấn Lập Thạch cũ	Đến UBND xã Tân Lập	9.000	3.500	1.000	5.400	3.200	1.100	3.600	2.200	700	28	46	24	307
		Từ UBND xã Tân Lập	Đến giáp địa phận xã Nhạo Sơn	8.000	3.500	1.000	4.800	2.900	1.000	3.200	1.900	600	24	387	23	540
3	Đất hai bên đường tỉnh lộ 307B	Từ ngã ba Then	Đến chân đê tả sông Lô (hết đất nhà Mến Độ)	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	15	295	19	197
4	Đường TL 307B mới	Từ ngã tư chợ Đồng Quế	Đến TL 307 cũ	6.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	27	269	26	330
5	Đất khu dân cư hai bên đường Tỉnh Lộ 307B	Từ giáp địa phận xã Nhạo Sơn	Đến trạm y tế xã Đồng Quế (cũ)	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	40	34	34	168
		Từ trạm y tế xã qua UBND xã	Đến nghĩa trang liệt sỹ xã Đồng Quế	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	34	174	27	248
		Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Đồng Quế	Đến cầu Đồng Mận	6.500	3.500	1.000	3.900	2.300	800	2.600	1.600	500	27	248	21	334
		Từ cầu Đồng Mận Phương Khoan	Đến hết địa phận xã Đồng Quế (cũ) (giáp địa phận xã Lãng Công)	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	21	195	4	170
		Từ ngã ba Nhạo Sơn	Đến hết Cầu Nếp	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	16	360	16	248
		Từ hết Cầu nếp	Đến hết xã Nhạo Sơn (cũ)(giáp địa phận xã Đồng Quế)	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	16	248	10	42
6	Đất hai bên đường đôi trung tâm huyện lỵ huyện Sông Lô (đường 36,5 m)	Từ đê tả Sông Lô	Đi qua UBND huyện Đến hết địa phận Thị Trấn Tam Sơn (giáp xã Như Thụy (cũ))	12.000	3.500	1.000	7.200	2.500	700	5.000	1.800	500	15	200	18	204
7	Đất hai bên đường ĐT 307 kéo dài (đường 24 m)	Từ Đê tả Sông Lô (Từ nhà ông Chinh)	Đến hết đường 24 m (nhà ông Toản)	12.000	3.500	1.000	7.200	2.500	700	5.000	1.800	500	19	202	17	277
8	Đất hai bên đường 22m	Từ tỉnh lộ 307 (trường tiểu học thị trấn)	Đi hết địa phận thị trấn Tam Sơn (giáp xã Như Thụy (cũ))	8.000	3.000	1.000	4.800	2.900	1.000	3.200	1.900	600	17	231	21	165
9	Đất hai bên đường nội thị	Từ cổng anh Trỗi	Đến đường đôi trung tâm huyện lị huyện Sông Lô (đường 36,5 m)	8.000	3.000	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	17	96	12	264
10	Đường nội thị khu vực thị trấn Tam Sơn	Từ đường đôi trung tâm huyện lị huyện Sông Lô (đường 36,5m)	Qua đỉnh Bình Lạc đến thác ông Toản	5.000	2.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	12	229		
		Từ ngã ba Tháp Bình Sơn	Đến đường đôi trung tâm huyện lị huyện Sông Lô (đường 36,5 m)	7.000	2.500	1.000	4.800	1.800	700	3.400	1.300	500	16	18	11	269
11	Đất hai bên đường nội thị	Từ đất nhà ông Dũng (Đức)	Đến trường PTTH Sáng Sơn	7.000	2.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	16	165	16	1
12	Đường nội thị huyện Sông Lô	Từ Bến xe khách	Đi đường vành đai phía Nam	7.000	2.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	11	197		
		Từ Chi cục Thuế	Đi đường vành đai phía Đông	7.000	2.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600				
13	Đất hai bên đường nội thị	Đoạn từ đê tả sông Lô Km15+100 đi bến xe khách	Đến bến xe khách	5.000	2.500	1.000	3.000	1.800	600	2.000	1.200	400				
		Từ đề Tả sông Lô	Đến TDP Bình Lạc (cổng ông Ngọ)	3.500	2.000	1.000	2.100	1.300	400	1.400	800	300	9	20	6	461
		Từ Đê tả Sông Lô (cổng bà Mường)	Qua đỉnh Bình Sơn hết TDP Bình Lạc (giáp xã Nhạo Sơn)	3.500	2.000	1.000	2.100	1.300	400	1.400	800	300	9	101	8	43
14	Đất hai bên đường nội thị tuyến	Từ tỉnh lộ 307B (nhà văn hóa TDP Sơn Cầu)	Đến nhà nhà bà Quốc-TDP Lạc Kiều	3.500	2.000	1.000	2.100	1.300	400	1.400	800	300	17	152	20	212
		Từ tỉnh lộ 307B (nhà ông Đức-TDP Sơn Cầu)	Đến hết địa phận thị trấn Tam Sơn giáp xã Như Thụy (Cống Văn)	3.500	2.000	1.000	2.100	1.400	400	1.400	900	300	20	441	21	177
15	Đất 2 bên đường nội thị huyện Sông Lô thuộc địa phận xã Nhạo Sơn (cũ)			4.000	2.000	1.000	3.000	1.800	600	2.000	1.200	400				
16	Đất khu dân cư hai bên đường liên xã	Từ cầu Đồng Mận	Đến giáp địa phận xã Phương Khoan (cũ)	2.000	1.000	700	1.200	700	200	800	500	200	21	426	26	27
		Từ giáp Tỉnh lộ 307B (nhà ông Lan Sinh)	Đi Đến chân Thiền Viện Trúc Lâm Tuệ Đức	3.500	2.000	700	2.100	1.300	400	1.400	800	300	27	317	2	189
17	Đất khu dân cư hai bên đường	Từ Đường tỉnh ĐT 307	Đi đường đôi trung tâm huyện Sông Lô (Chi cục Thuế cũ)	7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	23	146	29	19

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa
18	Đường nội thị khu vực thị trấn Tam Sơn	Từ tỉnh lộ 307 (Cây Si)	Đến hết địa phận thị trấn (giáp địa phận xã Như Thụy) (cũ)	3.500	2.000	1.000	3.000	1.800	600	2.000	1.200	400	17	201	21	91
19	Khu đất dịch vụ, giãn dân, TĐC và đấu giá tại thị trấn Tam Sơn	Mặt cắt đường > 13,5m		9.000			5.400	3.200	1.100	3.600	2.200	700				
		Mặt cắt đường ≤ 13,5m		7.000			4.200	2.500	800	2.800	1.700	600				
20	Đất khu dân cư hai bên đường đê tả Sông Lô	Từ giáp xã Như Thụy (cũ)	Đến hết địa phận thị trấn Tam Sơn (cũ)	5.000	2.500	1.000	3.000	1.800	600	2.000	1.200	400	19	197	5	314
21	Đất hai bên đường nội thị còn lại			2.000	1.500	1.000	1.200	700	200	800	500	200				
22	Đất hai bên đường liên xã còn lại	Thuộc địa phận xã Nhạo Sơn (cũ)		2.000	1.500	700	1.200	700	200	800	500	200				
23	Đất khu dân cư 2 bên đường liên xã còn lại	Địa phận xã Như Thụy (cũ)		2.000	1.200	700	1.200	700	200	800	500	200				
24	Đất hai bên đường liên xã còn lại	Địa phận xã Đồng Quế (cũ)		2.000	1.200	700	1.200	700	200	800	500	200				
25	Đất khu dân cư hai bên đường từ	Từ trung tâm y tế huyện Lập Thạch	Đi Đê tả Sông Lô	6.000	2.000	700	1.200	700	200	800	500	200				
26	Đất hai đường liên xã	Từ ĐT 307 Tân Lập (cũ)	Đi hồ Vân Trục (Huyện Lập Thạch)	5.000	2.000	700	1.200	700	200	800	500	200	23	146	9	2
27	Đất hai bên đường liên xã còn lại	Thuộc địa phận xã Tân Lập (cũ)		2.000	1.200	700	1.200	700	200	800	500	200				
28	Đoạn Từ TL307 (Cầu Nếp xã Tam Sơn) Đi Kho bạc nhà nước			7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	16	251	20	499
29	Đoạn từ Trung tâm Y tế Khu Vực Sông Lô đến Cây nứa (thôn Lũng Gì xã Tam Sơn)			7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	21	8	26	39
30	Đoạn từ Tỉnh lộ 307 (Xã Tân Lập cũ) đến Chi cục Thuế huyện Sông Lô			7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600	23	42	25	306
31	Đoạn từ Ngân hàng chính sách (TT Tam Sơn cũ) đến Bến xe khách Sông Lô			5.000	2.500	1.000	3.000	1.800	600	2.000	1.200	400	19	52	20	499
32	Đoạn từ Trường tiểu học (dự kiến) đến Thôn Lũng Gì xã Tam Sơn			7.000	3.500	1.000	4.200	2.500	800	2.800	1.700	600				
33	Khu đấu giá QSD đất, giao đất ở tại thôn Làng Giàng xã Tam Sơn	Mặt cắt đường ≤ 13,5 m		5.000			3.000			2.000						
34	Khu đấu giá QSD đất khu đồng Trổ Làng, thôn Ngọc Sơn xã Tam Sơn	Mặt cắt đường ≤ 13,5 m		3.000			1.800			1.200						
35	Đất khu dân cư hai bên đường đê tả sông Lô	Từ địa phận xã Như Thụy (cũ)	Đến địa phận Thị trấn Tam Sơn (cũ)	5.000	2.500	700	3.000	1.800	600	2.000	1.200	400	17	140	9	2
36	Đường 24m từ Văn Quán đến trung tâm huyện	Địa phận xã Như Thụy (cũ)		10.000	3.000	1.000	6.000	3.600	1.200	4.000	2.400	800	5	13	30	49
37	Đường ĐH 53	Từ nghĩa trang Giếng Nhài thôn Bình Sơn	Đến nhà ông Tú Huệ thôn Liên Sơn	3.000	1.200	700	1.200	700	200	800	500	200	26	895	16	133
38	Đường ĐH 55	Từ nhà ông Liên Ý thôn Trung Sơn	Đến hết đồng Ao Dong thôn Tân Sơn	3.000	1.200	700	1.200	700	200	800	500	200				
39	Khu đất ở cho CBCNV huyện ủy, UBND huyện Sông Lô và đấu giá QSDĐ tại thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	Mặt cắt đường > 13,5m		9.000			5.400			3.600						
		Mặt cắt đường ≤13,5m		7.000			4.200			2.800						
40	Hạ tầng khu đất tái định cư thị trấn Tam Sơn huyện Sông Lô (khu Mả Vàng)	Mặt cắt đường ≤13,5m		7.000			4.200			2.800						
41	Hạ tầng khu đất đấu giá, đất tái định cư tại TT Tam Sơn, huyện Sông Lô	Mặt cắt đường > 13,5m		9.000			5.400			3.600						
		Mặt cắt đường ≤13,5m		7.000			4.200			2.800						
42	Đất dịch vụ, đất giãn dân, đất đấu giá QSDĐ xã Như Thụy huyện Sông Lô (cũ)	Mặt cắt đường > 13,5m		7.000			4.900			3.400						
		Mặt cắt đường ≤13,5m		4.000			2.800			2.000						